

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Giang Nam và ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hương – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:

Ông Tống Mạnh Cường – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “**Ly hôn và nuôi con khi ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐXXST-DS, ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị T1 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn Q (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/9/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Hà Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T1 và anh Lương Văn Q kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị T1, anh Q sống không có hạnh phúc do kinh tế khó khăn, bất đồng quan điểm, anh Q không lo làm ăn nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên đến năm 2017 anh Q đã bỏ nhà đi đến nay không trở về, khi đi anh Q không báo cho gia đình, chính quyền địa phương. Chị T1 đã tìm kiếm anh Q nhưng không có tin

tức gì. Chị T1 có làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tuyên bố anh Lương Văn Q mất tích. Ngày 06/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã ban hành Quyết định số 04/2020/QĐST-VDS tuyên bố anh Q mất tích. Xét tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh Q mất tích nên chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lương Văn Q.

Về con chung: Chị T1 và anh Q có 02 con chung là cháu Lương Hà Gia N, sinh ngày 17/12/2008 và Lương Hà Thủy T2, sinh ngày 02/10/2016. Chị T1 có nguyện vọng được nuôi hai cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lương Văn Q vắng mặt không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Krông Nô phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

+ *Về trình tự tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật: Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đúng thành phần, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên xử cho chị Hà Thị T1 ly hôn với anh Lương Văn Q. Về con chung: Giao con Lương Hà Gia N, sinh ngày 17/12/2008 và Lương Hà Thủy T2, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Hà Thị T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T1 không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng: Buộc chị Hà Thị T1 phải chịu chi phí đăng phát trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Về án phí: Buộc chị Hà Thị T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Hà Thị T1 khởi kiện ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với anh Lương Văn Q. Vì vậy đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Anh Lương Văn Q có nơi cư trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại biên bản xác minh của Công an xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông thể hiện, anh Lương Văn Q có nơi cư trú cuối cùng và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nhưng đến khoảng tháng 3 năm 2017 anh Q đã đi khỏi địa phương, anh Q đi đâu chính quyền địa phương không nắm được từ khi đi cho đến nay anh Q không về địa phương.

Ngày 06/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số: 04/2020/QĐST-VDS, về việc tuyên bố anh Lương Văn Q mất tích.

Ngày 28/01/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 01/2021/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nội dung chị Hà Thị T1 khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Lương Văn Q. Trong Quyết định thể hiện thời hạn giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Lương Văn Q vắng mặt tại phiên tòa.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lương Văn Q là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hà Thị T1 và anh Lương Văn Q kết hôn với nhau năm 2009 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 31/8/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Theo lời trình bày của chị T1 thì anh chị kết hôn với nhau nhưng sống không hạnh phúc mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, thấu hiểu. Đến năm 2017 thì anh Q bỏ đi, chị T1 đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không biết ở đâu.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N thể hiện tháng 3 năm 2017 anh Q đã đi khỏi địa phương, anh Q đi đâu chính quyền địa phương không nắm được từ khi đi cho đến nay anh Q không về địa phương. Việc anh Q bỏ đi biệt tích đã được Tòa án nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số: 04/2020/QĐST-VDS, ngày 06/7/2020, tuyên bố anh Lương Văn Q mất tích.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau để quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc anh Q bỏ đi biệt tích dẫn đến vợ chồng xa cách, không chia sẻ, không quan tâm, chăm sóc được cho nhau, tình cảm vợ chồng không có sự gắn kết yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị T1.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T1 và quan điểm của đại diện VKSND huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận mới bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

[2.2]. Về con chung: Chị Hà Thị T1 và anh Lương Văn Q có 02 con chung là Lương Hà Gia N, sinh ngày 17/12/2008 và Lương Hà Thủy T2, sinh ngày 02/10/2016. Chị T1 có nguyện vọng được nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyện vọng của chị T1 được nuôi 02 con chung là Lương Hà Gia N và Lương Hà Thủy T2 nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q nhiều lần nhưng anh Q không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình, hiện nay cháu N và cháu T2 đang sinh sống cùng chị T1. Tại biên bản lấy lời khai cháu N cũng có nguyện vọng được ở với chị T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cháu N, cháu T2 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T1 không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, buộc chị Hà Thị T1 chịu chi phí số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) được trừ số tiền 3.500.000 đồng mà chị T1 đã nộp theo phiếu thu ngày 27/01/2021.

[4]. Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Hà Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T1.

[1]. Về hôn nhân: Chị Hà Thị T1 được ly hôn với anh Lương Văn Q.

[2]. Về nuôi con chung: Giao con Lương Hà Gia N, sinh ngày 17/12/2008 và Lương Hà Thủy T2, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Hà Thị T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Hà Thị T1 không yêu cầu anh Lương Văn Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị T1, anh Q có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, buộc chị Hà Thị T1 chịu chi phí số tiền 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) được trừ số tiền 3.500.000 đồng mà chị T1 đã nộp theo phiếu thu ngày 27/01/2021.

[5]. Về án phí: Buộc chị Hà Thị T1 phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004005, ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H.K;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi

